

PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ NHÂN QUẢ GIỮA ODA VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

Lê Quang Cảnh

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: canh@neu.edu.vn

Đỗ Thị Ngọc Lan

Viện Ngân hàng Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: dongoclanqlkdhau@gmail.com

Ngày nhận: 12/7/2017

Ngày nhận bản sửa: 21/8/2017

Ngày duyệt đăng: 25/9/2017

Tóm tắt:

Sử dụng phân tích nhân quả đối với số liệu mảng cân bằng, nghiên cứu xem xét mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng kinh tế của các tỉnh/thành phố ở Việt Nam giai đoạn 1993-2015. Kết quả thực nghiệm cho thấy tác động nhân quả hai chiều giữa ODA và tăng trưởng kinh tế. ODA có tác động nhân quả tới tăng trưởng kinh tế và ngược lại tăng trưởng kinh tế lại là nguyên nhân thu hút ODA vào các địa phương ở Việt Nam. Kết quả này giúp hiểu rõ vai trò của ODA với tăng trưởng kinh tế và ngược lại trong việc hoạch định chính sách huy động và sử dụng ODA nhằm tăng cường tác động của ODA đến tăng trưởng và vai trò của tăng trưởng đến thu hút ODA đối với các địa phương ở Việt Nam.

Từ khoá: ODA, Tăng trưởng kinh tế, Phân tích nhân quả, Việt Nam.

Causality Analysis between Official Development Assistant and Economic Growth in Vietnam

Abstract

Using granger causality analysis for balanced panel data, this paper investigates causal relationship between ODA and economic growth at provincial level in Vietnam during 1993-2015. Empirical results show that there is a bidirectional causal relationship between ODA and economic growth. ODA has causal effects on economic growth and then economic growth is an explanation of mobilizing ODA to provinces in Vietnam. This empirical result contributes evidence on the roles of ODA to economic growth and vice versa in policy making in order to mobilize ODA for economic growth and to enhance economic growth for more ODA attraction in the provincial locality in Vietnam.

Keywords: ODA, Economic growth, Causality analysis, and Vietnam.

1. Giới thiệu

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các quốc gia đi sau thường kết hợp nguồn vốn trong và nước ngoài cho đầu tư phát triển. Việc vay viện trợ của chính phủ đã trở thành phổ biến cho nhiều nước đang phát triển trên thế giới. Nguồn vốn ODA có tác dụng lớn trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển tại các nước đang phát triển, khi mà quy mô tiết kiệm nội địa thấp so với nhu cầu đầu tư. Cơ sở hạ tầng có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế xã hội nhưng đòi hỏi nguồn

vốn lớn, thời gian thu hồi vốn dài; chỉ có đầu tư công mới có khả năng đáp ứng những dự án này. ODA là nguồn vốn phù hợp, góp phần gia tăng đầu tư của Chính phủ và trở thành nguồn lực bên ngoài tiếp sức cho việc thực hiện đầu tư phát triển kinh tế xã hội. Theo Dollar & Easterly (1999), những quốc gia có môi trường chính sách tốt, quản trị nhà nước minh bạch, hữu hiệu,... thì lượng ODA bằng 1% GDP sẽ đẩy tăng trưởng thêm 0,5%. Việc sử dụng ODA có hiệu quả sẽ góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo ở các nước nhận viện trợ.

Ngược lại, ở những nước quản trị không minh bạch, sử dụng ODA lãng phí và sai mục đích dẫn tới ODA không được sử dụng một cách hiệu quả, thì không phát huy được vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đó mà còn gây gánh nặng nợ cho thế hệ mai sau (Stiglitz, 2002).

Qua hơn 20 năm tiếp nhận nguồn vốn ODA của cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế, vốn ODA cho Việt Nam liên tục tăng trưởng. Số vốn ODA cam kết 1993-2014 của Việt Nam là 85,195 tỷ USD, số vốn ODA đã ký kết là 69,189 tỷ USD và đã giải ngân được là 48,23 tỷ USD. Riêng năm 2014, tỷ lệ giải ngân đạt 128,6% (Tùng Linh, 2015). Cùng với quy mô nguồn ODA ngày càng tăng, kinh tế Việt Nam đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, và Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình thấp với thu nhập bình quân đầu người năm 2016 là 2186 USD. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa ODA và tăng trưởng kinh tế vẫn chưa được nghiên cứu sâu tại Việt Nam. Câu hỏi liệu có một mối quan hệ tương tác giữa ODA và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hay không, và chúng tác động lẫn nhau như thế nào vẫn đang còn là vấn đề cần được nghiên cứu. Câu trả lời thỏa đáng cho những câu hỏi này sẽ cung cấp bằng chứng khoa học cho các nhà hoạch định chính sách và làm sáng tỏ chính sách huy động và sử dụng ODA phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam.

Bài viết này sử dụng số liệu cấp tỉnh ở Việt Nam nghiên cứu mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở kết quả kiểm định, bài viết sẽ luận giải kết quả và có đề xuất phù hợp nhằm khai thác lợi thế và đóng góp của ODA trong mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu này có đóng góp ở hai nội dung: Thứ nhất, nghiên cứu sử dụng số liệu ở cấp tỉnh trong một quốc gia, khi đó các vấn đề liên quan tới chính sách chung quốc gia được kiểm soát. Do đó, mối quan hệ giữa ODA và tăng trưởng kinh tế sẽ có khác biệt so với kết quả khi nghiên cứu ở tầm quốc gia khi sự khác biệt trong chính sách của quốc gia được kiểm soát. Thứ hai, kết quả của nghiên cứu này sẽ cung cấp thêm dẫn chứng thực nghiệm về mối quan hệ giữa ODA và tăng trưởng và khuyến nghị cho địa phương cấp tỉnh thu hút thêm ODA phục vụ cho tăng trưởng địa phương.

2. Tổng quan nghiên cứu

Mối quan hệ giữa vốn và tăng trưởng kinh tế là khá rõ trong các lý thuyết tăng trưởng và cho dù là lý thuyết tăng trưởng nào đều khẳng định vai trò của

vốn. Vốn ODA cũng là một bộ phận của vốn trong nền kinh tế và có thể có đóng góp tới tăng trưởng kinh tế của quốc gia. Tuy nhiên, do tính chất hai mặt của ODA nên ODA có tác động khác nhau đến các nền kinh tế là khác nhau. Đối với nước nhận viện trợ có môi trường và chính sách, năng lực thu hút, sử dụng và quản lý nguồn vốn ODA thì ODA sẽ đóng vai trò tích cực tới tăng trưởng kinh tế của nước nhận viện trợ. Khi các nước nhận viện trợ có nền quản trị nhà nước yếu kém, tham nhũng, sử dụng ODA tràn lan, kém hiệu quả - chẳng hạn ở các nước Châu Phi và Mỹ La-Tinh thì ODA có thể gây gánh nặng trả nợ và cản trở tăng trưởng.

Ở góc độ lý thuyết, có bốn khả năng xảy ra trong mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng. (i) Chỉ có mối quan hệ ODA tác động tới tăng trưởng kinh tế; (ii) Chỉ tăng trưởng kinh tế tác động tới ODA; (iii) tồn tại mối quan hệ tác động qua lại, ODA tác động tới tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng kinh tế cũng tác động ngược lại ODA; và (iv) giữa ODA và tăng trưởng kinh tế không tồn tại mối quan hệ tác động qua lại nào. Trong các nghiên cứu trước, mối quan hệ của ODA với tăng trưởng kinh tế là khá đa dạng và cho kết quả khác biệt đối với những quốc gia và khu vực.

Thứ nhất, ODA có tác động tới tăng trưởng kinh tế của quốc gia. Ở góc độ lý thuyết, ODA là một bộ phận của vốn và vốn quyết định tới tăng trưởng kinh tế trong bất cứ mô hình tăng trưởng nào. Các nghiên cứu có kết quả thực nghiệm theo hướng này đều khẳng định ODA đóng vai trò quan trọng và dẫn tới tăng trưởng và giảm nghèo ở các quốc gia. Mối quan hệ này được khẳng định trong nhiều nghiên cứu (ví dụ Papenek, 1973; Levy, 1988; Addison & cộng sự, 2005; Hamid Ali, 2013; Jones, 2013). Kết quả này có thể luận giải thông qua các mô hình “hai khoảng cách” (Two-Gap Model) phát triển bởi Chenery & Strout (1966); theo đó ODA sẽ bổ sung cho tiết kiệm thấp ở trong nước đồng thời cải thiện cán cân ngoại hối của quốc gia. Bacha (1990) mở rộng mô hình “hai khoảng cách” thành mô hình “ba khoảng cách” (Three-Gap-Model) trong đó nhấn mạnh thêm vai trò của ODA với cải thiện cán cân ngân sách nhà nước và chính sách tài khóa. Những nghiên cứu khác thuộc nhóm này cũng phân tích sâu hơn ODA dẫn tới tăng trưởng còn phụ thuộc vào những điều kiện cụ thể. Chẳng hạn, Hadjimichael & cộng sự (1995) đề cập tới vấn đề chính sách của chính phủ khi nghiên cứu dấu hiệu căn bệnh Hà Lan của 41 quốc gia nhận viện trợ ODA trong giai đoạn 1986-

1992; Burnside & Dollar (1997) chú trọng tới vấn đề thể chế và quản trị nhà nước trong quá trình nhận và sử dụng ODA. Thể chế càng minh bạch ODA càng thúc đẩy tăng trưởng và ngược lại (Ram, 2004; Burnside & Dollar, 2000). Gần đây, nghiên cứu của Jones (2013) khẳng định có mối quan hệ nhân quả một chiều từ ODA tới tăng trưởng kinh tế ở các nước Tây Phi; Hamid Ali (2013) cũng khẳng định có mối quan hệ nhân quả từ ODA tới tăng trưởng kinh tế ở Ai Cập trong cả ngắn và dài hạn; Albiman (2016) khẳng định tồn tại mối quan hệ nhân quả từ ODA tới tăng trưởng kinh tế tại Tanzania.

Giả thuyết 1: ODA có tác động nhân quả tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.

Thứ hai, nhóm nghiên cứu cho kết quả không có mối quan hệ giữa ODA và GDP. Easterly & cộng sự (2004) và Boone (1995) đã nghiên cứu mối quan hệ này trong mẫu nghiên cứu bao gồm 97 quốc gia đang phát triển nhận ODA. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy ODA không có tác động nhân quả tới GDP. Dhakal & cộng sự (1996) nghiên cứu mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng kinh tế cho 4 quốc gia Châu Phi trong giai đoạn 1960-1990 không tìm ra mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia này. Kyophilavong (2014) sử dụng số liệu của Lào để kiểm định mối quan hệ nhân quả này và không tìm thấy dẫn chứng ODA tác động tới tăng trưởng và ngược lại. Các nghiên cứu này cho rằng với những quốc gia có sự tham nhũng, vốn ODA được phân bổ và sử dụng không hiệu quả làm cho vai trò của ODA đối với tăng trưởng không được thể hiện rõ.

Thứ ba, nghiên cứu thực nghiệm cho kết quả tác động nhân quả theo chiều của GDP tới ODA là không nhiều. Về bản chất, ODA là hỗ trợ từ các nước có giàu tới các nước có thu nhập thấp, do đó khi nghiên cứu chung mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng thì tác động của ODA đến tăng trưởng là rõ ràng hơn. Tuy nhiên, do hạn chế về mặt số liệu ở cấp địa phương nên mối quan hệ của ODA và tăng trưởng gần như là bỏ trống ở cấp này và kết quả thực nghiệm về mối quan hệ này ở cấp tỉnh là chưa được ghi nhận một cách có hệ thống (Dreher & Lohmann, 2015).

Thứ tư, khi nghiên cứu mối quan hệ ODA và tăng trưởng ở cấp độ tỉnh ở Việt Nam cũng có sự khác biệt. Theo quy định của Chính phủ (2001, 2006 và 2016) thì các địa phương muốn nhận ODA phải có vốn đối ứng và có khả năng trả nợ. Điều này có thể

ảnh hưởng tới khả năng thu hút/nhận ODA của các địa phương. Một địa phương có quy mô GDP lớn sẽ có nhiều hơn vốn đối ứng và khả năng trả nợ vay ODA, do vậy sẽ nhận nhiều hơn ODA.

Giả thuyết 2: Tăng trưởng kinh tế có tác động nhân quả ngược lại tới ODA vào các địa phương cấp tỉnh.

Tóm lại, mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng kinh tế là khá đa dạng. Trong khi phần lớn các nghiên cứu tìm ra có mối quan hệ nhân quả từ ODA tới tăng trưởng kinh tế, thì cũng tồn tại các nghiên cứu cho thấy không có tác động từ ODA tới tăng trưởng kinh tế và từ tăng trưởng kinh tế tới thu hút ODA cho phát triển. Mối quan hệ giữa ODA với tăng trưởng kinh tế địa phương cấp tỉnh còn trống. Hiểu được và phân tích được mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng kinh tế ở địa phương cấp tỉnh trong thực nghiệm sẽ hữu ích trong việc hoạch định chính sách huy động và sử dụng ODA nhằm đảm bảo nguồn vốn đầu tư công, khuyến khích tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an ninh tài khóa quốc gia cho Việt Nam trong quá trình phát triển.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng kinh tế đòi hỏi phải kiểm tra tính dừng và đồng tích hợp. Việc kiểm định mối quan hệ nhân quả này được tiến hành qua ba bước: (i) kiểm định tính dừng của ODA và GDP sử dụng kiểm định của Levin & cộng sự (2002) cho số liệu mảng; (ii) kiểm định đồng tích hợp cho số liệu mảng được thực hiện theo cách tiếp cận của Westerlund (2007); (iii) kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng kinh tế thông qua kiểm định được phát triển bởi Dumitrescu & Hurlin (2012). Những kiểm định này được thảo luận kỹ hơn trong phần tiếp theo.

3.1. Kiểm định nghiệm đơn vị

Các chuỗi thời gian kinh tế và tài chính thường vận động theo những xu hướng và không dừng. Điều này dẫn đến vấn đề hồi quy mơ hồ khi các biến hồi quy trong mô hình là không dừng (Newbold & Granger, 1974). Do đó, kiểm định tính dừng là cần thiết cho các phân tích chuỗi thời gian trong nghiên cứu thực nghiệm. Đối với số liệu mảng, kiểm định tính dừng trở nên khó khăn hơn nhiều và có nhiều kiểm định đã được phát triển cho mục đích này. Nghiên cứu này sử dụng kiểm định được phát triển bởi Levin & cộng sự (2002) để kiểm định tính dừng của chuỗi ODA và GDP. Giả sử ta có một chuỗi y

cần phải được kiểm định tính dừng và kiểm định Levin & cộng sự (2002) được sử dụng.

$$y_i = \alpha_i + \beta_i y_{i,t-1} + \varepsilon_i \quad (1)$$

Trong đó α_i có thể bao gồm hệ số chặn hoặc xu thế thời gian; $i = 1, 2, \dots, N$ là chỉ số chỉ các địa phương; $t = 1, 2, \dots, T$ chỉ thời gian, ε_i là sai số của mô hình tuân theo quy luật phân phối chuẩn. Giả thuyết là chuỗi y không dừng hoặc có 1 nghiệm đơn vị ($H_0: \beta = 1$), và giả thuyết thay thế là dừng ($H_1: \beta < 1$). Giá trị p-value tính toán nhỏ hơn 5% sẽ bác bỏ giả thuyết H_0 chuỗi thời gian không dừng.

3.2. Kiểm định đồng kết hợp

Đối với các chuỗi thời gian không dừng, sự kết hợp tuyến tính của hai hoặc nhiều chuỗi không dừng có thể là một chuỗi dừng. Theo Engle & Granger (1987), nếu sự kết hợp tuyến tính như vậy tồn tại, các chuỗi thời gian không dừng được cho là có đồng liên kết và sự kết hợp tuyến tính có thể được sử dụng để xác định mối quan hệ dài hạn giữa các biến. Nếu mối quan hệ đồng tích hợp tồn tại thì khi đó, các chuỗi thời gian chưa dừng có thể được sử dụng bởi sự kết hợp giữa chúng trong mô hình đảm bảo yêu cầu về tính dừng. Bài viết này sử dụng kiểm định đồng tích hợp cho số liệu mảng do Westerlund (2007) phát triển và được mô tả trong Mô hình véc tơ hiệu chỉnh sai số (VECM) như sau:

$$\Delta Y_{it} = \alpha_i + \sum_{j=1}^p \beta_{ij} \Delta Y_{i,t-j} + \sum_{l=1}^p \delta_{i,l} \Delta X_{i,t-l} + \beta_i (Y_{i,t-1} - \delta_i X_{i,t-1}) + \varepsilon_{it} \quad (2)$$

trong đó, β_i là tham số ước lượng thể hiện tốc độ hiệu chỉnh sai số hướng tới cân bằng trong dài hạn $Y_i = -\frac{\delta_i}{\beta_i} X_i$ cho chuỗi i . Giả thuyết $H_0: \beta_i = 0$ đối với mọi i và giả thuyết thay thế $H_1: \beta_i < 0$ đối với mọi i . Bác bỏ giả thuyết H_0 có nghĩa là bác bỏ đồng tích hợp trong dữ liệu mảng nghiên cứu.

3.3. Kiểm định nhân quả

Mục tiêu của nghiên cứu này là chỉ ra liệu thông tin về ODA có hữu ích trong dự báo tăng trưởng kinh tế hay không và ngược lại. Để phân tích mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng kinh tế, bài viết sử dụng kiểm định nhân quả Granger (1969). Granger cho rằng X được coi là nguyên nhân gây ra Y nếu Y được dự đoán một cách chính xác bằng cách tính biến số X với các thông tin cho trước trong mô hình. Kiểm định quan hệ nhân quả Granger tiêu chuẩn cho mỗi quan hệ nhân quả giữa ODA và GDP

được dựa trên mô hình VAR cho số liệu mảng có dạng như sau:

$$G_{it} = \alpha_i + \sum_{j=1}^p \beta_{ij} G_{i,t-j} + \sum_{l=1}^p \delta_{i,l} O_{i,t-l} + \varepsilon_{it} \quad (3)$$

$$O_{it} = \gamma_i + \sum_{j=1}^p \theta_{ij} O_{i,t-j} + \sum_{l=1}^p \phi_{i,l} G_{i,t-l} + u_{it} \quad (4)$$

trong đó G là GDP và O là ODA. Kiểm định Granger thực hiện kiểm định hai giả thuyết sau:

$H_0: \delta_{i,1} = \delta_{i,2} = \dots = \delta_{i,p} = 0$ (ODA không có ảnh hưởng nhân quả tới GDP với mọi i);

$H_0: \phi_{i,1} = \phi_{i,2} = \dots = \phi_{i,p} = 0$ (GDP không có ảnh hưởng nhân quả tới ODA với mọi i).

Để kiểm định các giả thuyết trên, nghiên cứu này sử dụng kiểm định nhân quả cho số liệu mảng do Dumitrescu & Hurlin (2012) phát triển. Kết quả kiểm định có bốn khả năng xảy ra:

- Nhân quả chiều từ ODA sang GDP nếu các biến trễ của ODA có tác động lên GDP nhưng các biến trễ của GDP không có tác động lên ODA;

- Nhân quả một chiều từ GDP sang ODA nếu các biến trễ của GDP có tác động lên ODA nhưng các biến trễ của ODA không có tác động lên GDP;

- Nhân quả hai chiều giữa ODA và GDP nếu các biến trễ của ODA có tác động lên GDP và các biến trễ của GDP có tác động lên ODA;

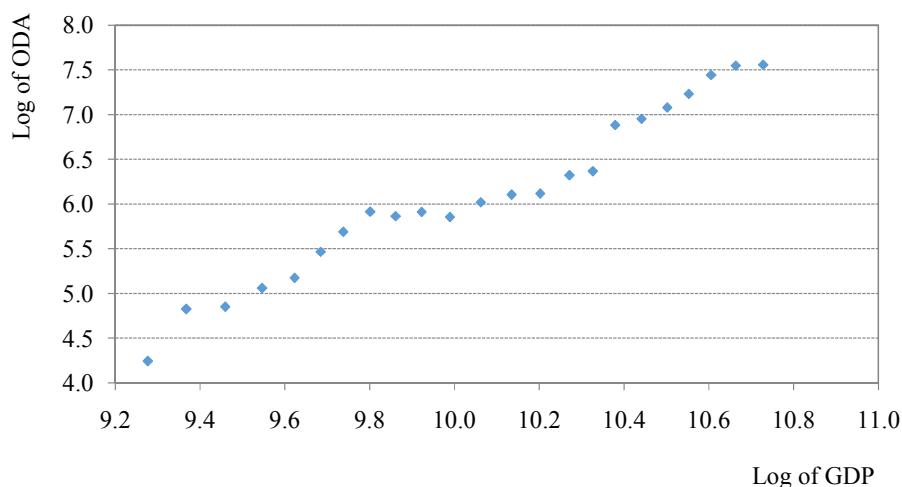
- Không có quan hệ nhân quả giữa ODA và GDP nếu các biến trễ của ODA không có tác động lên GDP và các biến trễ của GDP không có tác động lên ODA.

4. Số liệu và kết quả nghiên cứu

4.1. Số liệu

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu gồm ODA và GDP cấp tỉnh được thu thập từ Tổng cục Thống kê trong thời gian từ 1993 cho tới 2015 cho tất cả 63 tỉnh/thành phố ở Việt Nam, hình thành số liệu mảng cân bằng với 1449 quan sát. Một vấn đề đối với số liệu sử dụng trong nghiên cứu này là tính đồng nhất của số liệu. Xử lý tính đồng nhất của dữ liệu ở 3 góc độ: (i) Đối với các tỉnh có địa giới hành chính thay đổi, cả GDP và ODA đã được điều chỉnh theo chỉ giới hành chính hiện quy định tại năm 2015; (ii) Đối với vấn đề giá khi tính toán, cả ODA và GDP đều được tính theo giá cố định năm 2010; (iii) Kiểm định về tính đồng nhất của dữ liệu cũng đã được thực hiện và kết quả cho thấy có sự đồng nhất trong dữ liệu sử dụng. Hình 1 chỉ mối quan hệ giữa ODA trung bình

Hình 1: Môi quan hệ giữa ODA và GDP trung bình của tỉnh ở Việt Nam, 1993-2015



Bảng 1: Kết quả kiểm định tính dừng thông qua kiểm định Levin & cộng sự (2002)

	Chuỗi số liệu	Giá trị t “Levin & cộng sự”	Giá trị t ở mức 5%	Kết luận
ODA	Mức đạt được	0,2938	1,646	Chưa dừng
	Sai phân bậc 1	-19,8733	1,646	Dừng bậc 1
GDP	Mức đạt được	-0,0078	1,646	Chưa dừng
	Sai phân bậc 1	-16,3966	1,646	Dừng bậc 1

Bảng 2: Kết quả kiểm định đồng tích hợp Westerlund (2007)

Statistic	Value	Z-value	p-value
Gt	-2,547	-1,887	0,030
Ga	-41,419	-35,226	0,000
Pt	-17,267	-0,580	0,281
Pa	-28,519	-25,999	0,000

và GDP trung bình tỉnh ở Việt Nam trong giai đoạn từ 1993-2015.

Hình 1 cho thấy giữa ODA và GDP trung bình của tỉnh ở Việt Nam trong giai đoạn 1993-2015 có sự tương quan đồng biến. Khi ODA tăng lên dẫn tới sự gia tăng của GDP hoặc ngược lại, mỗi sự tăng/giảm của GDP đều gắn với sự tăng/giảm trong ODA ở các địa phương cấp tỉnh. Vấn đề đặt ra là cần nghiên cứu xem mối quan hệ này có chiều tác động như thế nào, từ đó có thông tin hữu ích cho việc tư vấn chính sách phù hợp.

4.2. Kết quả kiểm định

Sử dụng kiểm định tính dừng cho số liệu mảng thông qua kiểm định của Levin & cộng sự (2002). Kết quả kiểm định cho thấy chuỗi thời gian ODA và GDP của các địa phương cấp tỉnh ở Việt Nam trong giai đoạn 1993-2015 đều là chuỗi thời gian không dừng. Sai phân bậc nhất của cả hai chuỗi ODA và GDP đều cho kết quả kiểm định là dừng. Như vậy, chuỗi ODA và GDP của các địa phương cấp tỉnh ở Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu này dừng bậc 1. Kết quả kiểm định cụ thể được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 3: Kết quả kiểm định nhân quả Granger theo Dumitrescu & Hurlin (2012)

	Z-bar	p-value	Z-bar	p-value
ODA → GDP	6,6958	0,0000	2,2003	0,0278
GDP → ODA	11,5427	0,0000	4,9421	0,0000

Tiếp theo, nghiên cứu tiến hành kiểm định đồng tích hợp xem liệu có mối quan hệ đồng tích hợp nào giữa ODA và GDP tồn tại trong giai đoạn nghiên cứu. Sử dụng kiểm định do Westerlund (2007) phát triển, kết quả đề cập trong Bảng 2.

Kết quả kiểm định đồng tích hợp giữa ODA và GDP theo phương pháp kiểm định Westerlund (2007) xây dựng cho thấy ba trong bốn thống kê khẳng định rằng bác bỏ giả thuyết H_0 là không có mối quan hệ đồng tích hợp nào giữa ODA và GDP. Kết quả này có nghĩa rằng có mối quan hệ đồng tích hợp giữa hai biến này. Như vậy, mặc dù ODA và GDP đều là hai chuỗi thời gian không dừng nhưng có thể sử dụng trong mô hình để giải thích hoặc dự báo sự thay đổi của nhau.

Kiểm định nhân quả Granger giữa ODA và GDP cho các địa phương cấp tỉnh ở Việt Nam trong giai đoạn 1993-2015 được thực hiện theo kiểm định được phát triển bởi Dumitrescu & Hurlin (2012). Để sử dụng được kiểm định nhân quả, trước hết cần kiểm định để xác định độ trễ tối ưu trong mô hình và (3) và (4) đối với mọi i (hay tất cả các tỉnh). Sử dụng chỉ số AIC cho việc lựa chọn độ trễ tối ưu trong mô hình kiểm định cho lần lượt từng tỉnh và độ trễ tối ưu của mô hình kiểm định nhân quả Dumitrescu & Hurlin (2012) là độ trễ lớn nhất trong mô hình (3) và (4) với tất cả các $i = 1, 2, \dots, N$ (hay tất cả 63 tỉnh ở Việt Nam). Căn cứ vào chỉ số thông tin AIC, độ trễ tối ưu sử dụng trong mô hình (3) và (4) là 4. Kết quả kiểm định nhân quả cho số liệu mảng này được trình bày trong Bảng 3.

Giả thuyết H_0 ở mô hình (3) phát biểu rằng ODA không ảnh hưởng nhân quả tới GDP. Kết quả kiểm định cho thấy giả thuyết H_0 bị bác bỏ và như vậy tồn tại mối quan hệ nhân quả từ ODA tới GDP ở các tỉnh/thành phố Việt Nam. Tương tự, kết quả ước lượng trong mô hình (4) cho thấy có mối quan hệ nhân quả từ GDP tới ODA ở các tỉnh/thành phố của Việt Nam. Như vậy, giữa ODA và tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh/thành phố Việt Nam có mối quan hệ tác động qua lại, biến này tác động và quyết định tới

biến kia và ngược lại.

4.3. Thảo luận kết quả kiểm định

Kết quả kiểm định đã cho thấy, ODA có tác động nhân quả tới tăng trưởng kinh tế và ngược lại tăng trưởng kinh tế quyết định tới thu hút ODA cho các địa phương ở Việt Nam. Kết quả này đã bổ sung cho các nghiên cứu về mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng kinh tế dẫn chứng thực nghiệm mới.

Giả thuyết 1 về ODA tác động tới tăng trưởng kinh tế địa phương cấp tỉnh ở Việt Nam được ủng hộ. Luận giải cho mối quan hệ này bởi mấy lý do chính sau đây. Thứ nhất, ảnh hưởng trong mô hình “ba khoảng cách” cho thấy rõ là ODA đóng vai trò bổ sung vốn đầu tư cho các địa phương mà vốn đầu tư sẽ thúc đẩy gia tăng sản lượng của địa phương; ODA sẽ giúp bổ sung nguồn vốn ngoại tệ trong việc giải quyết cán cân thanh toán khi nhập khẩu máy móc phục vụ sản xuất; và ODA là nguồn bổ sung thêm ngân sách địa phương đảm bảo nhu cầu đầu tư phát triển và cân bằng tài khóa. Đây là động lực cho tăng trưởng kinh tế của các địa phương. Thứ hai, hiệu ứng quản trị của vốn hỗ trợ phát triển chính thức. ODA đi kèm với các vấn đề quản trị và yêu cầu sử dụng các nguồn vốn như minh bạch hóa, có trách nhiệm giải trình về các khoản ODA sử dụng. Điều này góp phần nâng cao thể chế quản trị ở địa phương cấp tỉnh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Xuân Hoài, 2015). Thứ ba, hiệu ứng tràn/lan tỏa của ODA đối với phát triển kinh tế xã hội. ODA vào Việt Nam trong những năm qua thường đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, ... và đã góp phần giúp nâng cao năng lực, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương.

Kết quả kiểm định cũng cho thấy giả thuyết 2 tăng trưởng kinh tế lại có tác động nhân quả tới thu hút ODA tồn tại ở địa phương cấp tỉnh. Kết quả này là đặc trưng khá cơ bản bởi Việt Nam là một trong ít các quốc gia sử dụng ODA cho mục tiêu phát triển tốt, nhất là trong giảm nghèo bền vững (IDI, 2013). Chính sự sử dụng tốt nguồn vốn hỗ trợ, thúc đẩy

tăng trưởng của các đại phương và nền kinh tế đã tạo niềm tin cho cộng đồng các nhà tài trợ tiếp tục hỗ trợ ODA cho Việt Nam. Hơn nữa, tăng trưởng kinh tế của địa phương giúp tạo ra nguồn lực thực hiện vốn đối ứng trong các dự án nhận hỗ trợ phát triển chính thức và khả năng hoàn trả nguồn vốn vay ODA của các tỉnh. Điều này ngụ ý rằng khi tỉnh có tăng trưởng/hoặc quy mô nền kinh tế địa phương ngày càng mở rộng thì sẽ giúp địa phương nhận nhiều hơn vốn ODA cho phát triển kinh tế xã hội địa phương.

5. Kết luận

Bài viết này tìm hiểu mối quan hệ nhân quả giữa ODA với tăng trưởng kinh tế đối với các đại phương cấp tỉnh ở Việt Nam trong giai đoạn 1993 -2015. Sử dụng phân tích nhân quả cho số liệu mảng cân bằng, nghiên cứu tìm thấy mối quan hệ nhân quả từ ODA tới tăng trưởng kinh tế và mối quan hệ nhân quả theo chiều ngược lại từ tăng trưởng kinh tế tới ODA. Như vậy, ở Việt Nam tồn tại mối tác động nhân quả qua lại giữa ODA và tăng trưởng kinh tế. Kết quả thực nghiệm này cho thấy tầm quan trọng của việc thu hút ODA phục vụ cho tăng trưởng kinh tế trong việc xây dựng chính sách thu hút ODA. Đồng thời, khi tăng trưởng kinh tế được duy trì và tăng lên thì việc huy động ODA sẽ càng thuận lợi hơn.

Nghiên cứu này có đóng góp nhất định cho chủ đề nghiên cứu mối quan hệ của ODA với tăng trưởng kinh tế hai góc độ: (i) Nghiên cứu đã vận dụng các

kiểm định áp dụng cho phân tích số liệu mảng để thực hiện xem xét mối quan hệ nhân quả của ODA với tăng trưởng kinh tế ở địa phương cấp tỉnh khi sự khác biệt về chính sách của nhà nước được kiểm soát; và (ii) Cung cấp kết quả nghiên cứu thực nghiệm rằng có mối quan hệ nhân quả qua lại giữa ODA và tăng trưởng ở các địa phương cấp tỉnh. Đây là kết quả mang tính tiên phong đóng góp cho chủ đề nghiên cứu này.

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy bất cứ nỗ lực thu hút thêm ODA nào của các địa phương đều có tác động tới tăng trưởng và ngược lại tăng trưởng kinh tế của các địa phương sẽ giúp củng cố niềm tin của các nhà tài trợ ODA. Trong thời gian tới, Việt Nam nên tiếp tục cải thiện môi trường thể chế, minh bạch hóa và tăng trách nhiệm giải trình đối với việc nhận và sử dụng ODA của chính phủ và các địa phương. Chính phủ cần tiến hành sàng lọc các dự án nhận ODA theo hướng tăng cường hiệu ứng lan tỏa của ODA với phát triển kinh tế xã hội. Nhận và sử dụng hiệu quả ODA thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, giúp nâng cao vị thế và tiềm năng của các địa phương đối với các nhà tài trợ. ODA không phải là nguồn chính cho ngân sách địa phương mà cùng với cải cách thể chế, tăng cường kỷ luật tài khóa, ODA đóng vai trò bổ sung nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Tài liệu tham khảo

- Addison, T., Mavrotas, G. & McGillivray, M. (2005), 'Aid to Africa: an unfinished agenda', *Journal of International Development*, 17(8), 989-1001.
- Albiman, M. (2016), 'What are the impacts of foreign aid to the economic growth? Time series analysis with new evidence from Tanzania', *Business and Economics Journal*, 7(3), 1-7.
- Bacha, E.L. (1990), 'A three-gap model of foreign transfers and the GDP growth rate in developing countries', *Journal of Development economics*, 32(2), 279-296.
- Burnside, C. & Dollar, D. (1997), 'Aid, Policies and Growth', *Policy Research Working Paper No. 1777*, The World Bank, Development Research Group.
- Burnside, C. & Dollar, D. (2000), 'Aid, Policies, and Growth', *American Economic Review*, 90(4), 847-868.
- Chenery, H.M. & Strout, H.M. (1966), 'Foreign assistance and economic development', *American Economic Review*, 56, 679-733.
- Chính phủ (2001), *Nghị định 17/2001/NĐ-CP, về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức*, ban hành ngày 04 tháng 5 năm 2001.
- Chính phủ (2006), *Nghị định 131/2006/NĐ-CP, về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức*, ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2006.
- Chính phủ (2016), *Nghị định 16/2016/NĐ-CP, về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài*, ban hành ngày 16 tháng 03 năm 2016.

- Dollar, D. & Easterly, W. (1999), 'The Search for the Key: Aid, Investment, and Policies in Africa', *Working Paper Series*, The World Bank.
- Dreher, A. & Lohmann, S. (2015), *Aid and Growth at the Regional Level*, AidData Working Paper 9.
- Dumitrescu, E-I. & Hurlin, C. (2012), 'Testing for Granger non-causality in heterogeneous panels', *Economic Modelling*, 29, 1450-1460.
- Easterly, W., Levine, R. & Roodman, D. (2004). 'New Data, New Doubts: A Comment on Burnside and Dollar's 'Aid, Policies, and Growth'', *American Economic Review*, 94(3), 774-780.
- Hadjimichael, M.T, Ghura, D., Muhleisen, M., Nord, R. & Ucer, E.M. (1995), 'Sub-Saharan Africa: Growth, savings and investment', 1986-93, *Occasional Paper*, 118, International Monetary Fund.
- Hamid Ali, H. (2013), 'Foreign aid and economic growth in Egypt: A cointegration analysis', *International Journal of Economics and Financial Issues*, 3(3), 743-751
- IDI (2013), *Investments to End Poverty*, Development Initiatives Ltd, UK.
- Jones, Y.M. (2013), 'Testing the foregien aid-led growth hypothesis in Wesst Africa', *Working Papers in Management*, BWPMA 1303 Birkbeck.
- Kyophilavong, P. Uddin, G., Shahbaz, M. (2014), *The nexus between financial development and economic growth in Laos*, IPAG Business school Working Paper Series.
- Levin, A., Lin, C.F. & Chu, C.S. (2002), 'Unit root tests in panel data: Asymptotic and finite-sample properties', *Journal of Econometrics*, 108, 1-24.
- Ram, R. (2004), 'Recipient country's 'policies' and the effect of foreign aid on economic growth in developing countries: additional evidence', *Journal of International Development*, 16(2), 201-211.
- Stiglitz, J. (2002), 'Overseas Aid is Money Well Spent', *Financial Times*, April 14th 2002.
- Tùng Linh (2015), *Hội nghị đánh giá tình hình thực hiện chương trình dự án ODA*, truy cập lần cuối ngày 25 tháng 6 năm 2017, từ <<http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=26183>>.
- Westerlund, J. (2007), 'Testing for error correction in panel data', *Oxford Bulletin of Economics and Statistics*, 69, 709-748.
- Xuân Hoài (2015), *Việt Nam đã sử dụng nguồn vốn ODA 20 năm qua như thế nào?*, truy cập lần cuối ngày 25 tháng 6 năm 2017, tại <http://congan.com.vn/tin-chinh/viet-nam-da-su-dung-nguon-von-oda-20-nam-qua-nhu-the-nao_5596.html>.